

**VỊ THẾ NỮ GIỚI TRONG GIÁO LÝ, GIÁO LUẬT
VÀ GIÁO HỘI ĐẠO CAO ĐÀI**
(Trường hợp Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh)

Tóm tắt: Bài viết cung cấp hệ thống tri thức về vị thế nữ giới theo quan điểm giáo lý, giáo luật và tổ chức giáo hội của Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh từ thời kỳ khai đạo đến năm 1975 – thời điểm Hội Thánh thay đổi mô hình tổ chức. Giáo lý Cao Đài coi nam giới và nữ giới có cùng vị thế bình đẳng vì quan niệm tất cả đều là con của Đức Thượng Đế (ngôi dương) và Đức Phật Mẫu (ngôi âm). Giáo luật Cao Đài cũng quy định người tín đồ phải tuân theo chế độ hôn nhân một vợ một chồng để đảm bảo tối đa quyền lợi cho phụ nữ. Song song với cuộc sống thế tục, nữ giới được tạo điều kiện tham gia công cử và vào tổ chức giáo hội từ cấp địa phương đến trung ương để theo đuổi lý tưởng “nước vinh, đạo sáng”. Nội dung bài viết góp phần bổ sung nguồn tư liệu tham khảo cho các nghiên cứu trong tương lai liên quan đến chủ đề nữ giới và tôn giáo, tín ngưỡng tại Việt Nam.

Từ khóa: Nữ giới; đạo Cao Đài; giáo lý; giáo luật; giáo hội; vị thế.

Dẫn nhập

Nữ giới tại châu Á chịu nhiều ảnh hưởng bởi định kiến về giới bắt nguồn từ những hệ tư tưởng và tôn giáo. Trong xã hội Nho giáo, nữ giới được giáo dục tư tưởng phục tùng tuyệt đối gia đình và nam giới. Tại Trung Quốc thế kỷ trước, họ được gọi là “guixiu” (chỉ những phụ nữ cả đời quanh quẩn trong căn phòng của chính họ) và hạn chế tối đa hoạt động đi lại bên ngoài hoặc tiếp xúc với người khác giới. Cùng chịu ảnh hưởng của Nho giáo, nữ giới Việt Nam trong xã hội truyền thống cũng bị gán kết chặt chẽ trong không gian gia đình và hạn chế

* Nghiên cứu Tự do, email: hieuvo3108@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/11/2021; Ngày biên tập: 20/02/2022; Duyệt đăng: 06/6/2022.

tối đa những quyền lợi tương xứng với nam giới, trong đó có quyền được kết nối với xã hội. Nhìn chung, nữ giới trong xã hội Nho giáo tại châu Á những thế kỷ trước, thậm chí đến thời điểm hiện tại còn chịu nhiều thách thức từ tôn giáo, tín ngưỡng trong quá trình phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

Đạo Cao Đài, tên gọi đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là tôn giáo nội sinh thành lập tại Nam Kỳ năm 1926 thông qua hình thức cầu cơ, chấp bút và xây bàn để giao tiếp, thông công cùng các đấng thiêng với chủ trương cứu vớt chúng sinh lần thứ ba. Phương thức tu tập của đạo Cao Đài là nhập thế, không trốn tránh cuộc đời. Con người dù giới tính, dân tộc, đẳng cấp khác nhau đều có thể trở thành tín đồ tu học và hoạt động đạo sự tùy theo điều kiện vật lực, tài lực của bản thân với tinh thần bình đẳng và bác ái. Chủ trương này của đạo Cao Đài đã mở ra cơ hội để nữ giới có thể tham gia hoạt động đạo sự và công cử vào hệ thống chức sắc để tu học nhằm giải thoát về phương diện tâm linh. Để làm rõ vị thế nữ giới trong đạo Cao Đài, tác giả đã tiến hành tổng hợp và phân tích nguồn tài liệu đạo sử, giáo lý và giáo luật do Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh ban hành từ thời kỳ khai đạo đến nay.

Đạo Cao Đài phát triển dựa theo giáo lý Nho, Phật, Lão vì thế đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh của một bộ phận dân cư Nam Kỳ đương thời, đặc biệt là nữ giới. Họ là những đối tượng chịu nhiều tổn thương tinh thần và có xu hướng tìm đến tôn giáo để chống chọi lại những thách thức trong cuộc sống. Đạo Cao Đài với chủ trương nam và nữ bình đẳng đã gia tăng nhanh chóng về số lượng tín đồ, chức sắc khắp Nam Kỳ và Trung Kỳ, thậm chí sang Campuchia. Đến năm 2020, số lượng tín đồ, chức sắc đạo Cao Đài có khoảng 2,5 triệu người. Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh có số lượng tín đồ, chức sắc cao hơn các hội thánh và pháp môn tu hành Cao Đài khác. Ghi nhận số lượng tín đồ Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh có chức sắc giữa nam và nữ giới tương đối ngang nhau. Quy mô tín đồ, chức sắc nữ phái tại Tòa thánh và Thánh sở các địa phương không ngừng gia tăng trong suốt 96 năm hình thành và phát triển đã tạo nên những đặc trưng giáo lý, giáo luật và tổ chức giáo hội.

1. Nữ giới trong giáo lý đạo Cao Đài

Giáo lý đạo Cao Đài thể hiện rõ quan điểm nhị nguyên luận thông qua hai cặp đối lập là âm - dương (Đức Phật Mẫu [Mẹ] - Đức Thượng Đế [Cha]) và tiểu linh quang - đại linh quang (Người - Trời). Tôn giáo này quan niệm con người là tiểu linh quang chiết tách từ khối đại linh quang là Đức Thượng Đế và được Đức Phật Mẫu tạo thêm xác thân thiêng để bao bọc tiểu linh quang rồi cho xuống trần thế tu học tiến hóa. Thông qua tu học, con người có thể giải thoát khỏi vô minh trở về hội hợp cùng hai đấng tối cao, thoát khỏi luân hồi sinh tử. Các yếu tố giới tính, dân tộc hay địa vị xã hội được xem là công cụ phục vụ con người trong quá trình tu học tiến hóa. Dù là nam hay nữ giới cũng đều có quyền tu học theo tinh thần bình đẳng và bác ái. Từ thời kỳ thành lập đến nay, đạo Cao Đài cơ bản đã hiện thực hóa những nội dung giáo lý căn bản nhằm xác lập vai trò bình đẳng giữa tín đồ, chức sắc nam và nữ giới.

Trước ngày khai đạo ba tháng, Đức Thượng Đế đã giảng cơ tại tư gia bà Nguyễn Thị Hiếu (Đầu Sư Hương Hiếu) trên đường Bourdais, Sài Gòn dạy thành lập nữ phái chung lo đạo sự cùng nam phái. Cụ thể, ngày 17/7/1926, Đức Thượng Đế giảng cơ dạy bà Hiếu như sau: “Chẳng phải vì đàn bà mà sớm nôi cơm, chiều trả cháo hoài. Phần các con truyền Đạo kỳ Phổ Độ này cũng lắm nặng nề, bao nhiêu Nam tức bao nhiêu Nữ; nam biết thành Tiên, Phật, chứ nữ lại không sao?... Vậy con phải tuân lệnh Thầy mà lập thành Nữ phái. Nghe và tuân. Thầy hằng ở bên con, lo chung cùng con, con chớ ngại”¹. Từ đây, số đông nữ phái đã nhập đạo Cao Đài, họ là vợ con của giới công chức, trí thức, địa chủ, thương gia sinh sống tại vùng Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh thành Tây Nam Bộ.

Trong đàn cơ khai đạo đêm 14 rạng sáng ngày 15 tháng 10 năm Bính Dần (18-19/10/1926) tại Từ Lâm Tự (chùa Gò Kén) tỉnh Tây Ninh, Đức Thượng Đế giảng cơ ban tịch đạo² cho chức sắc nữ phái là chữ Hương thông qua bài thơ thất ngôn tứ tuyệt.

“Hương Tâm nhứt phiến cận Càn Khôn,

Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn.

Nhứt niệm Quan Âm thù bảo mạng,
Thiên niên đặng phái thủ sanh tồn.”³

Cũng trong đàn cơ này, Đức Thượng Đế lần đầu phong phẩm vị chức sắc cho ba nữ tín đồ (Lâm Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Hiếu và Ca Thị Thê) đã có những đóng góp về tài lực, vật lực to lớn trong sự nghiệp thành đạo. Nội dung bài thơ nhắc đến Quan Âm vì giáo lý Cao Đài quan niệm nữ giới cần tu tập đức tính từ bi, bác ái gắn liền với hình tượng Quan Âm Bồ Tát và nam giới cần tu tập đức tính chính trực, dũng cảm gắn liền với hình tượng Quan Thánh Đế Quân. Do đó, Quan Âm Bồ Tát và Quan Thánh Đế Quân cùng Đức Lý Thái Bạch (Thái Bạch Kim Tinh) được phối thờ theo triết lý Tam Trấn Oai Nghiêm (Đức Lý Thái Bạch – Nhất trấn kiêm Giáo Tông vô vi đạo Cao Đài, Quan Âm Bồ Tát – Nhị trấn bảo hộ nữ phái, Quan Thánh Đế Quân – Tam trấn bảo hộ nam phái). Cả ba vị này cũng là đại diện cho Lão, Phật, Nho giáo).

Ngày 02/12/1926, Đức Lý Thái Bạch giảng cơ cho phép và sắp đặt tín đồ, chức sắc nữ phái tham gia vào các khóa lễ cúng phía tây hiên song song với nam phái phía đông hiên Tòa thánh. Đến ngày 02/01/1927, ông tiếp tục giảng cơ ban hành quy định tổ chức và đạo phục cho chức sắc nữ phái cơ quan Cửu Trùng Đài để tiện bề tham gia đạo sự và tu học. Trong các khóa lễ cúng tại Tòa thánh và Thánh sở luôn có hai vị chức sắc (1 nam, 1 nữ) cùng nhận nhiệm vụ chứng đàn tại chính điện. Trong các khóa lễ cúng đại đàn tại Tòa thánh, chức sắc nam và nữ phái cùng thực hiện nghi thức đi Hoán đàn⁴ thể hiện triết lý âm dương hòa hợp, biến hóa không ngừng của càn khôn vũ trụ.

Sau hơn ba tháng từ ngày khai đạo, nữ phái với vai trò chủ yếu lo việc may vá, nấu nướng và tiếp đãi cơm nước cho tín đồ từ nhiều nơi về nhập đạo đã chính thức tham gia công cử vào hệ thống chức sắc từ tháng 02/1927. Mặc dù có sự chậm trễ so với việc ban hành quy định tổ chức và đạo phục nam phái nhưng số lượng tín đồ, chức sắc nữ phái đã gia tăng nhanh chóng. Lý giải về việc ban hành quy định tổ chức và đạo phục cho nữ phái chậm trễ, bà Nguyễn Thị Hiếu đã ghi trong quyển Đạo sử xây bàn như sau “Hội mở Đạo, chư vị Nữ phái Sài Gòn chưa hiểu Đạo cho lắm, cũng vì bốn phận tề gia nội trợ nên sự hành

Đạo bê trễ, vắng mặt mấy kỳ đàn nên bị Thầy quở. Thầy quở mà Thầy thương, rồi lại ban thưởng nữa; nên Thầy kêu bà Nữ Đầu Sư lập thông qui kêu Nữ phái cho Thầy chăm phong”⁵.

Thời điểm cuối năm 1926 đầu năm 1927, không chỉ có tín đồ, chức sắc nữ phái người Việt mà còn có đông đảo người Hoa, Khmer và Tà Mun nhập đạo. Ngày 15/02/1927, Đức Thượng Đế giáng cơ phong phẩm chức sắc cho số lượng lớn cho tín đồ nữ phái. Tổng cộng 71 tín đồ nữ phái được phong phẩm, bao gồm 2 vị phẩm Phối Sư, 8 vị phẩm Giáo Sư, 28 vị phẩm Giáo Hữu và 33 vị phẩm Lễ Sanh. Số lượng tín đồ nữ giới nhập đạo lên đến hàng nghìn người không chỉ gói gọn gia quyến giới công chức, địa chủ và thương gia mà mở rộng đến họ hàng, tá điền, giúp việc của họ sinh sống tại vùng miền Nam, rồi lan rộng đến miền Trung và sang Campuchia.

Hàng năm, vào ngày Tết Trung Thu (15/08 âm lịch) cũng là dịp đạo Cao Đài tổ chức Lễ Hội yến Diêu Trì Cung tại Báo Ân Từ trong thánh địa Cao Đài Tây Ninh để tưởng nhớ về Đức Phật Mẫu chủ quản ngôi âm và Cửu vị Tiên Nương đã góp công khai mở nền đạo thông qua cơ bút. Lễ hội thu hút hàng triệu tín đồ, người dân, tổ chức, phái đoàn trong và ngoài nước tham gia. Đây cũng được xem là ngày Lễ hội Phụ nữ Cao Đài nhằm tôn vinh tài năng khéo léo của nữ phái thông qua hoạt động trưng bày các gian hàng triển lãm và những đóng góp trong quá trình hoạt động đạo sự.

2. Nữ giới trong giáo luật Cao Đài

Nữ giới sau khi nhập đạo Cao Đài trở thành tín đồ, có thể lập gia đình sinh sống bình thường nhưng phải ăn chay 6 hay 10 ngày mỗi tháng hoặc trường chay và giữ ngũ giới cấm (không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, say mê rượu thịt, nói dối), tham gia các khóa lễ cúng Tứ Thời (Tý, Ngọ, Mão, Dậu) và kỳ đàn ngày vía, sóc, vọng (đại đàn và tiểu đàn), tuân theo Thế luật đạo Cao Đài bao gồm 24 điều quy định trong Tân Luật được Đức Thượng Đế truyền dạy. Theo đó, tại điều thứ ba và chín có quy định rõ:

“Điều Thứ Ba: Phải giữ tam cương ngũ thường là nguồn cội của nhân đạo; Nam thì hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ; Nữ thì tòng phụ, tòng phu, tòng tử và công, dung, ngôn, hạnh.

Điều Thứ Chín: Cấm người trong Đạo, từ ngày ban hành luật này về sau, không được cưới hầu thiếp. Rủi có chích lẻ giữa đường thì được chấp nối. Thằng như phụ nữ kia không con nối hậu thì Thầy cũng rộng cho đăng phép cưới thiếp song chính mình chánh thê đứng cưới mới đăng”⁶.

Cùng thời điểm, Bộ Dân luật thi hành tại các tòa án Bắc Kỳ (gọi tắt là Bộ Dân luật Bắc Kỳ) chịu ảnh hưởng hệ tư tưởng Nho giáo được Toàn quyền Đông Dương ban hành và có hiệu lực từ năm 1931 với nội dung “bắt buộc người vợ có nghĩa vụ phải chung thủy với chồng nhưng không bắt buộc chồng phải chung thủy với vợ”⁷. Mãi đến khi Luật Hôn nhân và Gia đình đầu tiên của Việt Nam được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua năm 1959 mới bắt buộc chế độ hôn nhân một vợ một chồng và quyền tự do kết hôn, tái giá nhưng tất cả những điều luật này đã được nội bộ chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài quy định và thi hành từ năm 1926. Điều này cho thấy sự tiến bộ trong tư tưởng hôn nhân và tổ chức gia đình của đạo Cao Đài mặc dù tôn giáo này cũng chịu nhiều ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo vốn còn nhiều hạn chế về sự bình đẳng đối với nữ giới.

Bên cạnh đó, tín đồ, chức sắc nữ phái phải hiểu rõ nhiệm vụ của một tín đồ, thông thạo các nghi thức quan hôn tang tế. Khi hành lễ cúng hoặc sinh hoạt đạo sự thì mặc áo dài trắng và quần trắng, đầu để trần và búi hoặc kẹp tóc gọn gàng, không mang nhiều trang sức và trang điểm lòe loẹt. Cách xưng hô trang trọng, thêm từ “Hiền” phía trước những đại từ nhân xưng (hiền tỷ, hiền muội, hiền huynh,...) trong giao tiếp và văn bản hành chính.

Về vấn đề sinh lý, trong kỳ kinh nguyệt, tín đồ nữ giới vẫn có thể sinh hoạt đạo sự bình thường với điều kiện phải giữ vệ sinh sạch sẽ. Theo giai thoại bà Bát Nương Diêu Trì Cung giảng cơ năm 1929 cho gọi nữ Giáo Sư Hương Hồ để dạy việc thì vị nữ chức sắc này vắng mặt do có kinh nguyệt nên không hầu cơ được. Bà Bát Nương Diêu Trì Cung liền giảng cơ cho bài thơ thất ngôn bát cú. Nội dung bài thơ giáo huấn về vấn đề kinh nguyệt nữ giới không ảnh hưởng đến chuyện sinh hoạt đạo sự.

“Thân phận phàm nhân trước đã đành
 Chẳng vì nguyệt huyết kỳ anh linh
 Âm dương nam nữ hoa trên bướm
 Hòa ái tương sinh thủy nhập bình
 Tạo hóa ví tay xây đánh trí
 Chúng sinh nên mặt tạo khuôn hình
 Thợ trời đâu dễ chê đồ đạo
 Tốt xấu sạch dơ tại miệng mình.”⁸

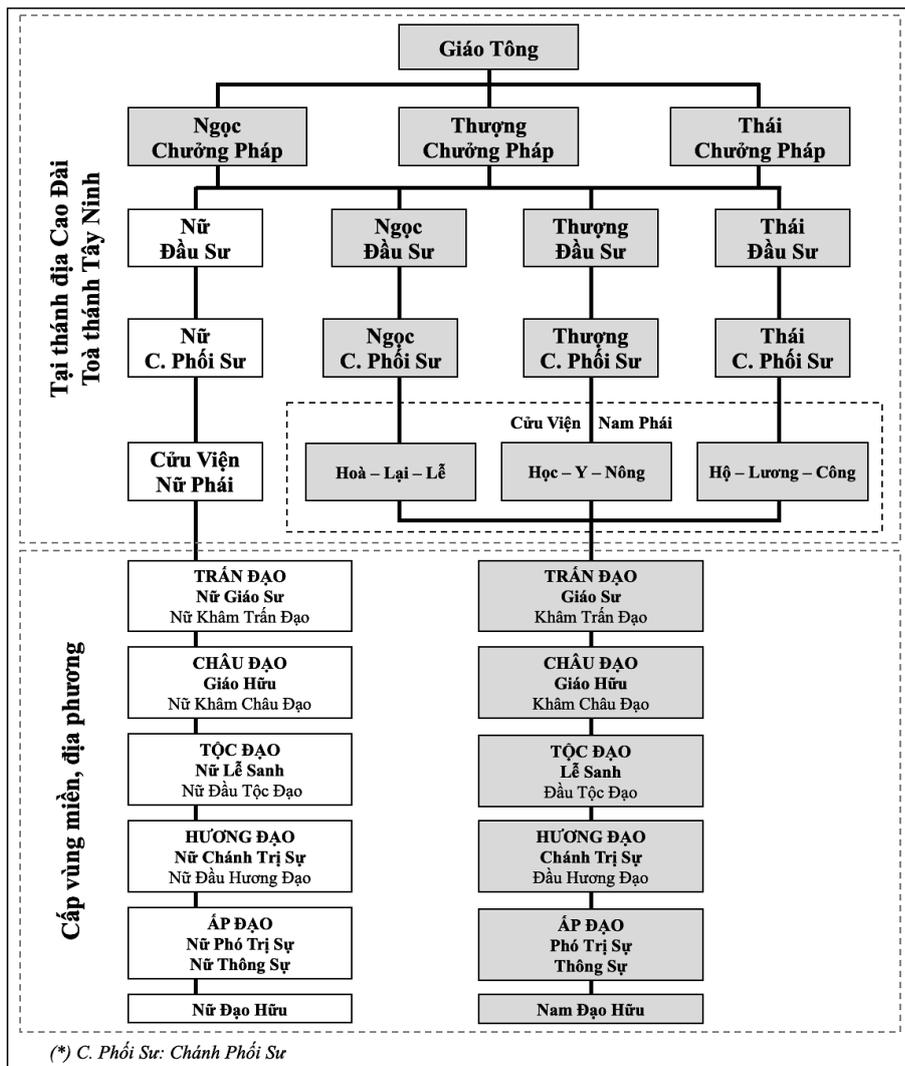
3. Nữ giới trong tổ chức giáo hội

Cơ cấu tổ chức giáo hội đạo Cao Đài chia thành 3 cơ quan chính là Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài. Riêng Bát Quái Đài do các đấng thiêng cảm quyền điều khiển thông qua cơ bút. Vì vậy, tín đồ và chức sắc đạo Cao Đài có quyền tự do tham gia công cử vào hệ thống chức sắc từ cấp địa phương đến trung ương của hai cơ quan: Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài thông qua một trong ba cách thức: (1) từ Hội Lập Quyền Vạn Linh (Hội Nhân sinh, Hội thánh và Thượng hội) chấp thuận; (2) vị Giáo Tông và Hộ Pháp chấp thuận; (3) Cơ bút Đức Thượng Đế tại cung đạo Tòa thánh chấp thuận. Tùy theo quy định số năm công nghiệp phục vụ đạo sự khác nhau cho từng phẩm vị chức sắc nhưng thông thường nữ cũng như nam phái sau năm hoặc mười năm tu học và hoạt động đạo sự sẽ được xét duyệt thăng phẩm. Điều kiện xét duyệt thăng phẩm bao gồm giấy chứng nhận công nghiệp, giấy tính hạnh, ăn trường chay, có phẩm chất đạo đức tốt và phải đủ số lượng tín đồ nhập đạo theo quy định. Trường hợp đặc biệt, tín đồ hoặc chức sắc nữ phái có công nghiệp phục vụ đạo sự to lớn nếu được sự đồng ý tuyệt đối của một trong ba cách thức trên thì cũng được xét duyệt thăng phẩm. Khi đắc phẩm vị mới, chức sắc nữ phái phải về Hạnh Đường trong thánh địa Cao Đài Tây Ninh để tu học hoặc đi tập sự tại Thánh sở địa phương một thời gian đến khi đủ điều kiện sẽ được phân bổ công việc đạo sự chính thức.

3.1. Cơ quan Cửu Trùng Đài

Cửu Trùng Đài là cơ quan thay mặt Đức Thượng Đế tiếp nhận, điều dắt và phổ độ chúng sinh. Đối với chức sắc nữ phái cơ quan Cửu

Trùng Đài có tổng cộng năm phẩm dựa theo quy định của Pháp Chánh Truyền được xem như Hiến Pháp của đạo Cao Đài ban hành năm 1926 (xem Hình 1). Chức sắc nữ phái cơ quan Cửu Trùng Đài không phân chia thành ba phái Thái, Thượng và Ngọc như nam giới. Họ mặc đạo phục sắc trắng, sinh hoạt và làm việc tại Cửu viện trực thuộc cơ quan Cửu Trùng Đài hoặc thánh sở địa phương theo sự phân công từ văn phòng Nữ Đầu Sư Đường trong thánh địa Cao Đài Tây Ninh.



Sơ đồ 1. Tổ chức chức sắc cơ quan Cửu Trùng Đài theo Pháp Chánh Truyền năm 1926

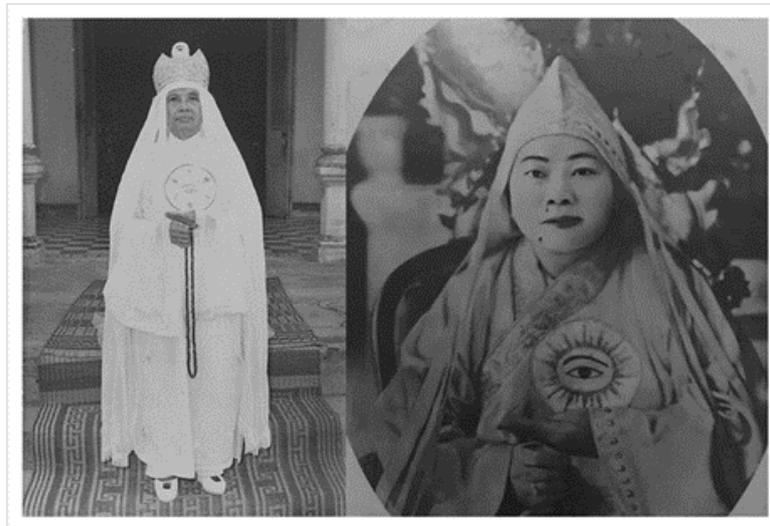
Vị nữ Đầu Sư chịu trách nhiệm quản lý về hoạt động sinh hoạt phần đời và đạo của chức sắc, tín đồ nữ phái. Mỗi thời kỳ, chỉ duy nhất một nữ Đầu Sư tại vị sinh sống và làm việc ở văn phòng Nữ Đầu Sư Đường. Trường hợp vị nữ Đầu Sư qua đời, Hội thánh sẽ công cử người mới hoặc để trống đến khi tìm ra người đáp ứng đủ các điều kiện lên thay và vị nữ Chánh Phối Sư sẽ tạm cầm quyền quản lý. Tuy nhiên, vị nữ Đầu Sư bắt buộc dưới quyền của vị Chương Pháp và Giáo Tông do nam phái đảm nhận. Trong Pháp Chánh Truyền đạo Cao Đài ban hành năm 1926 có giải thích rằng đây là mệnh lệnh của Đức Thượng Đế:

“Thưa Thầy, Thầy đã nói con cũng đồng con, nam nữ vốn như nhau mà Thầy truất quyền của Nữ phái không cho lên địa vị Chương Pháp và Giáo Tông, thì con e mất lẽ công bình chăng?”

Thầy dạy: Thiên Địa hữu Âm Dương, Dương thịnh tác sinh, Âm thịnh tác tử. Cả Càn Khôn Thế Giới nhờ Dương thịnh mới bền vững; cả chúng sinh sống bởi Dương quang, ngày nào mà Dương quang đã tuyệt, Âm khí lầy lừng, ấy là ngày Càn Khôn Thế Giới phải chịu trong hắc ám, mà bị tiêu diệt. Nam ấy Dương, Nữ ấy Âm, nếu Thầy cho Nữ phái cầm quyền Giáo Tông làm chủ nền Đạo thì là Thầy cho Âm thắng Dương, nền Đạo ắt bị tiêu tàn ám muội... Bởi chịu phận rủi sinh, nên cam phận thiệt thòi, lẽ Thiên Cơ đã định, Thầy chỉ cậy con để dạ thương yêu binh vực thay Thầy kéo tội nghiệp!”⁹.

Tín đồ và chức sắc đạo Cao Đài hiểu rằng việc nữ phái không được công cử phẩm Chương Pháp và Giáo Tông vì Đức Thượng Đế dành tình yêu thương, không muốn phận nữ phái gánh vác nhiều trách nhiệm nặng nề. Phẩm vị càng cao thì trách nhiệm đạo sự càng lớn và khó khăn càng nhiều mà nữ phái lại có xu hướng làm việc thiên về tình cảm nên dễ dẫn đến những việc không hay có thể xảy ra. Tùy theo tính chất mỗi hoạt động đạo sự mà Hội thánh sẽ phân công nam hoặc nữ chức sắc đảm nhận để đảm bảo cả hai phái đều được tu học, lập công, không nhất thiết phải ngang bằng phẩm vị với nhau thì mới gọi là bình đẳng. Mặc dù, chức sắc nữ phái cơ quan Cửu Trùng Đài chỉ giới hạn đến phẩm vị Đầu Sư nhưng bù lại số lượng chức sắc nữ phái từ phẩm vị Phối Sư trở xuống không giới hạn số lượng so với chức sắc nam phái cùng phẩm trở xuống chịu giới hạn cụ thể về số lượng.

Thời kỳ khai đạo Hội thánh trông vị trí nữ Đầu Sư. Người được bổ nhiệm cầm quyền là bà Lâm Ngọc Thanh (1874 - 1937), tịch đạo Hương Thanh, nghiệp chủ quận Vũng Liêm, hạt Vĩnh Long (xem Hình 1). Bà là người phụ nữ duy nhất và đứng đầu danh sách 28 người kí Tờ Khai đạo năm 1926. Bà Lâm Ngọc Thanh cùng chồng là ông Nguyễn Ngọc Thơ (Đầu Sư Thái Thơ Thanh – chức sắc Cửu Trùng Đài) nhận trách nhiệm ngoại giao với chính quyền thực dân Pháp để Tòa thánh Tây Ninh và Thánh sở tại những địa phương khác được mở cửa hoạt động, tín đồ được lễ cúng, sinh hoạt đạo sự tự do. Với điều kiện vật lực của mình, bà cho Hội thánh mượn số tiền là 25.000 đồng bạc Đông Dương để mua đất từ kiếm lâm người Pháp tại làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh xây dựng Tòa thánh tạm năm 1927. Đồng thời, bà cũng góp tiền, vàng, thóc để mua vật tư xây dựng Tòa thánh bằng bê tông cốt thép năm 1933 trong thời điểm Hội thánh gặp nhiều khó khăn về tài chính và ngoại giao. Thời kỳ khai đạo, bà Lâm Ngọc Thanh là một trong những chức sắc nữ phái đầu tiên được phong phẩm Chánh Phối Sư. Sau khi mất, bà được cơ bút Đức Thượng Đế ân phong phẩm Đầu Sư. Để ghi nhớ công nghiệp, Hội thánh Cao Đài Tây Ninh đã tạc tượng bà tại lầu trống đối xứng với tượng Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật (Lê Văn Trung) tại lầu chuông của Tòa thánh.



Hình 1. Đầu Sư Hương Hiếu mặc đạo phục Đầu Sư (bên trái) và Đầu Sư Hương Thanh mặc đạo phục Chánh Phối Sư (bên phải)¹⁰.

Về sau, bà Nguyễn Thị Hiếu (1886-1971) tịch đạo Hương Hiếu, từ phẩm Chánh Phối Sư được phong phẩm Đầu Sư trong đàn cơ ngày 09/12/1968 (xem Hình 1). Bà cùng chồng là ông Cao Quỳnh Cư (Thượng Phẩm - chức sắc Hiệp Thiên Đài) đã tích cực tham gia đạo sự từ thời kỳ khai đạo. Bà nhận trách nhiệm tiếp đón người đến nhập đạo, lo việc ăn uống cho hơn 300 người tham gia công cuộc khai hoang và xây dựng Tòa Thánh tạm bằng gỗ, cất may đạo phục chức sắc, dạy nhi đồng xướng kinh lễ. Đặc biệt, bà có công biên soạn tất cả nội dung các bài thơ văn dạy đạo từ các đấng thiêng trong đàn cơ từ năm 1925 đến 1929 thành 15 tập in trong quyển Đạo sử xây bàn I và II. Đây được xem là tài liệu lịch sử đầu tiên và chính thống của đạo Cao Đài. Bà cũng là vị nữ Đầu Sư đầu tiên sinh sống và làm việc tại văn phòng Nữ Đầu Sư Đường.

Cùng trong đàn cơ ngày 09/12/1968, bà Hồ Thị Lự (1878-1972) tịch đạo Hương Lự, là vợ thắm phán Cao Hoằng Ân đắc phong phẩm Đầu Sư Hàm Phong¹¹. Thời kỳ khai đạo, bà tham gia quản lý cơ quan lương viện và sở may. Dưới sự hướng dẫn của bà, cả ba người con đều trở thành chức sắc cao cấp trong đạo Cao Đài gồm Cao Đức Trọng (Thời Quân - chức sắc Hiệp Thiên Đài), Cao Thị Cường (Giáo Sư – chức sắc Cửu Trùng Đài) và Cao Hoài Sang (Thượng Sanh - chức sắc Hiệp Thiên Đài). Trải qua 47 năm hành đạo, Đầu Sư Hương Lự được giáo hội nhận xét là người “tính đức cương nghị và nhất là lòng thương đàn em, không phân giai cấp quý tiện”¹².

Từ sau khi bà Hồ Thị Lự mất, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh khuyết chức sắc nữ phái phẩm vị Đầu Sư. Đến năm 1999, bà Phạm Thị Ngô (1917-2000), tịch đạo Hương Ngô, theo luật công cử đổi mới từ sau 1975 được phong phẩm Đầu Sư phụ trách nhiệm vụ Phó Hội trưởng Hội đồng Chương quản đặc trách Nữ phái đến năm 2000 thì qua đời. Ngày 09/02/2006, bà Huỳnh Thị Nhìn (1926-2011), tịch đạo Hương Nhìn, theo luật công cử được Đại hội Nhơn sanh, Đại hội Hội thánh đặc biệt giữa nhiệm kỳ biểu quyết thông qua hồ sơ thăng phẩm Đầu Sư (Đạo lệnh số 01/81-HĐCQ-ĐL). Bà giữ phẩm vị Đầu Sư kiêm Chánh Phối Sư, Phó Chương quản Hội thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặc trách Nữ phái đến khi qua đời. Cùng với những

vị nữ Đầu Sư khác, bà được an táng trong khuôn viên bửu tháp dành cho phẩm vị nữ Đầu Sư phía Tây lang Tòa thánh Tây Ninh.

3.2. Cơ quan Hiệp Thiên Đài

Hiệp Thiên Đài được xem là cơ quan tư pháp của đạo Cao Đài với nhiệm vụ quản lý và bảo tồn luật pháp tôn giáo. Phẩm vị cao nhất là Hộ Pháp, bên cạnh có Thượng Sanh và Thượng Phẩm. Giúp việc cho ba vị này là Thập Nhị Thời Quân (12 người) chia thành ba chi: Đạo, Pháp và Thế, đều do nam giới đảm nhiệm. Nữ giới chỉ công cử vào những cơ quan, ban bộ trực thuộc Hiệp Thiên Đài là Bộ Pháp Chánh, Cơ quan Phước Thiện và Ban Thế đạo.

	Cơ quan Cứu Trùng Đài	Cơ quan Hiệp Thiên Đài & Bộ Pháp chánh	Cơ quan Phước Thiện	Ban Thế Đạo	Ban Đồng Nhi
	Đối phẩm chức sắc	Giáo Tông	Hộ Pháp	Phật Tử	
Chương Pháp		Thượng Sanh, Thượng Phẩm			
Đầu Sư		Thập Nhị Thời Quân	Tiên Tử		
Chánh Phối Sư		Tiếp Dẫn Đạo Nhơn	Thánh Nhơn	Phu Tử	
Phối Sư		Chương Ấn	Hiển Nhơn		
Giáo Sư		Cải Trang	Chơn Nhơn	Đại Phu	
		Giám Đạo	Đạo Nhơn		
Giáo Hữu		Thừa Sư	Chí Thiện	Quốc Sĩ	
		Truyền Trang			
Lễ Sanh		Sĩ Tài	Giáo Thiện	Hiển Tài	Sau 5 năm công nghiệp sẽ công cử phẩm vị Lễ Sanh
Chánh Trị Sự		Luật Sự	Hành Thiện		Giáo Nhi
Phó Trị Sự			Thỉnh Thiện		
Thông Sự					
Đạo Hữu	Tân Dân Minh Đức			Biện Nhi Đồng Nhi	
		Phẩm vị chức sắc nữ phái có thể tham gia công cử			

Bảng 1. Bảng so sánh đối phẩm chức sắc Hội thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh (Tác giả tổng hợp, 2021)

Bộ Pháp Chánh

Bộ Pháp Chánh là cơ quan chuyên trách quản lý tòa đạo từ cấp trung ương đến địa phương để xử phạt tìn đồ, chức sắc vi phạm luật pháp tôn giáo, trực thuộc chi Pháp cơ quan Hiệp Thiên Đài quản lý. Bộ Pháp chánh có tổng cộng tám phẩm vị (xem Bảng 1), nữ giới đều có thể tham gia công cử tự do và không bị giới hạn về số lượng. Tuy nhiên, do tính chất công việc đạo sự và điều kiện công cử vào Bộ Pháp Chánh tương đối khắt khe, đòi hỏi sự hiểu biết sâu rộng về tri

thức xã hội, có lòng dũng cảm, dám đấu tranh không khoan nhượng với những cá nhân, tổ chức trong đạo Cao Đài vi phạm nên hầu như nữ giới rất hạn chế công cử vào bộ này.

Ban Thế đạo

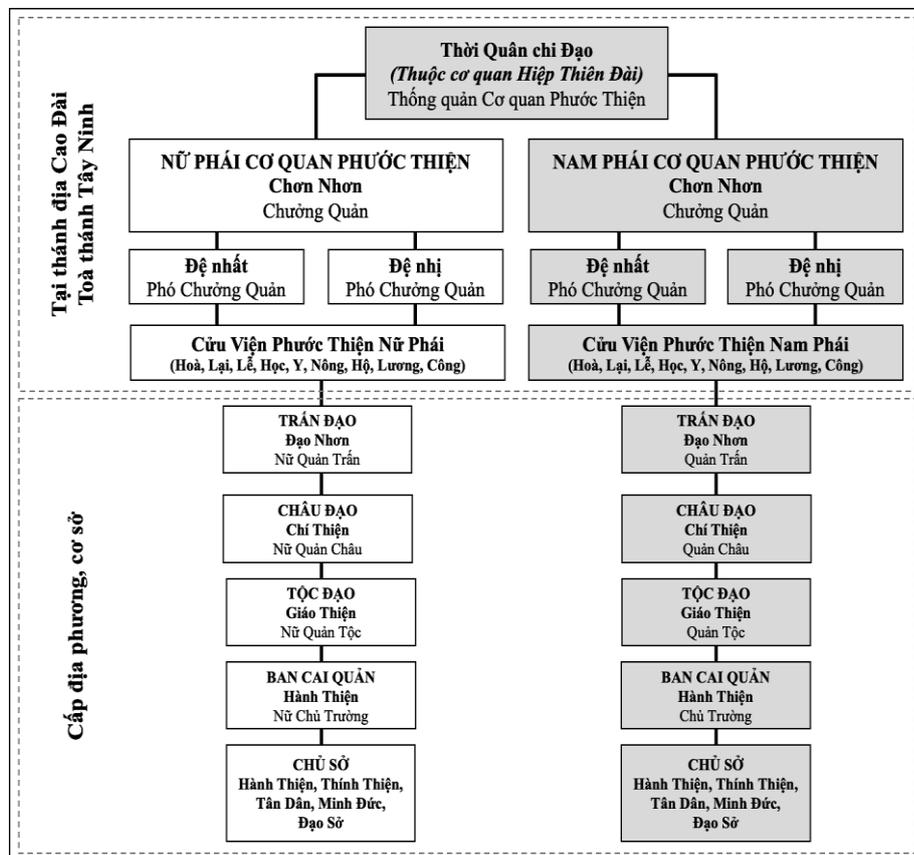
Ban Thế đạo được lập ra theo chủ ý của Đức Lý Thái Bạch trong đàn cơ ngày 07/01/1954 và lời dạy của Hộ Pháp Phạm Công Tắc ngày 11/3/1965. Ban Thế đạo trực thuộc chi Thế, cơ quan Hiệp Thiên Đài quản lý với chủ trương tạo điều kiện cho hàng ngũ trí thức, công chức có mong muốn tham gia tu học và cống hiến nhưng còn ràng buộc trách nhiệm đối với gia đình và xã hội. Ban này làm việc trực tiếp với cơ quan Cửu Trùng Đài nhằm cố vấn chuyên môn về những vấn đề tổ chức, ngoại giao với xã hội. Người muốn công cử vào Ban Thế đạo cần có sự giới thiệu từ hai vị chức sắc kèm theo văn bằng Tú tài. Ban Thế đạo có tất cả bốn phẩm (xem Bảng 1), nữ giới đều có thể tham gia công cử tự do và không bị giới hạn về số lượng. Tương tự Bộ Pháp Chánh, nữ giới tham gia công cử vào Ban Thế đạo rất hạn chế.

Cơ quan Phước Thiện

Theo Đạo Nghị định số 48/PT được Hội thánh ban hành ngày 10/12/1938, Phước Thiện là cơ quan cứu khổ trực thuộc chi Đạo, cơ quan Hiệp Thiên Đài quản lý với chủ trương “bảo tồn sinh chúng trên đường sinh hoạt nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho chúng sinh, tầm phương bảo bọc những kẻ tật nguyên, cô độc, dốt nát, hoặc giúp tay cho bên Hành Chánh thi hành luật pháp cho đặng dễ dàng trọn vẹn”¹³. Cơ quan Phước Thiện có tổng cộng 12 phẩm chức sắc, gọi là Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng (xem Hình 3). Nữ giới có thể tham gia công cử tự do và không bị giới hạn về số lượng chức sắc cho từng phẩm vị.

Phước Thiện được phân chia thành hai cơ quan riêng biệt dành cho nam và nữ phái tương tự cơ quan Cửu Trùng Đài (xem Hình 3). Đứng đầu cơ quan Phước Thiện nữ phái là vị nữ Chương Quản phẩm vị Chân Nhân chịu trách nhiệm quản lý về hoạt động sinh hoạt phân đời và đạo của chức sắc, tín đồ nữ phái. Vị nữ Chương Quản sinh sống, làm việc tại văn phòng Cơ quan Phước Thiện Nữ phái trong thánh địa

Cao Đài Tây Ninh và dưới quyền quản lý của vị Thống Quân là Thời Quân chi Đạo cơ quan Hiệp Thiên Đài. Đây là cơ quan thu hút số đông nữ giới tham gia công cử chức sắc. Thậm chí, số lượng nữ chức sắc đạt phẩm vị Chân Nhân khá cao. Đến nay, do tuổi già sức yếu họ đã qua đời hoặc buộc phải cáo lão hồi hưu tại Viện Dưỡng lão.



Sơ đồ 2. Tổ chức cơ quan Phước Thiện theo Đạo Nghị định số 48 năm 1938

Ngoài ra, còn có Ban Đồng Nhi và Lễ, Nhạc là những ban bộ chuyên môn âm nhạc – nghi lễ trong đạo Cao Đài. Với nhiệm vụ xướng kinh lễ trong các khóa lễ cúng và quan hôn tang tế. Trong đàn cơ ngày 5 tháng 8 năm Bính Dần (11/09/1926), Đức Thượng Đế dạy bà Nguyễn Thị Hiếu và Cao Thị Lựu – vợ ông Cao Quỳnh Cư (Thượng Phẩm - chức sắc Hiệp Thiên Đài) lập nhóm 36 trẻ nam và 36 trẻ nữ từ 8 đến 15 tuổi, là con của tín đồ, gọi là Đồng Nhi để tụng kinh

hay thài các bài kệ. Tại Tòa thánh và Thánh sở, Ban Đồng Nhi Nữ luôn có số lượng cao hơn nhiều so với Ban Đồng Nhi Nam. Trong Ban Đồng Nhi Nữ chọn một thành viên để điều hành gọi là Biện Nhi, rồi dự thi lên Giáo Nhi trong các kỳ thi tuyển của Hội thánh và được phân công đi dạy các Ban Đồng Nhi mới. Theo Sắc lệnh số 51 được văn phòng Hộ Pháp Đường ban hành ngày 22/12/1936, phẩm vị Giáo Nhi đối phẩm Chánh Trị Sự cơ quan Cửu Trùng Đài và có thể công cử phẩm vị Lễ Sanh sau 5 năm tham gia đạo sự (xem Bảng 1). Tuy nhiên, Hội thánh quy định Giáo Nhi buộc phải độc thân, nếu lập gia đình thì phải nghỉ. Hằng năm, nữ giới tham gia công cử vào Ban Đồng Nhi và dự thi Giáo Nhi với số lượng đông đảo.

Kết luận

Sau 96 năm thành lập và phát triển, đạo Cao Đài đã đem lại cho nữ giới một niềm động viên, khích lệ to lớn trong bối cảnh xã hội thế kỷ trước còn tồn tại nhiều định kiến về giới. Tôn giáo này đã trao quyền cho nữ giới có thể chủ động tham gia tu học cùng nam giới nhằm đạt được mục đích giải thoát về phương diện tâm linh cũng như làm tròn trách nhiệm, bổn phận với gia đình và xã hội. Ngược lại, tín đồ, chức sắc nữ phái cũng có những đóng góp to lớn về tài lực và vật lực từ thời kỳ khai đạo đến nay. Chính nữ phái đã nỗ lực mạnh mẽ để thay đổi định kiến, quyền lợi và nghĩa vụ của họ để góp thêm sự hoàn thiện vào giáo lý, giáo luật và tổ chức giáo hội đạo Cao Đài. Tín đồ, chức sắc nữ phái đạo Cao Đài không chủ trương xóa bỏ hoàn toàn những tư tưởng truyền thống mà họ tinh lọc, bổ sung và phát triển cho phù hợp với xu thế thời cuộc. Họ biết sống vì chân lý và theo đuổi những giá trị tinh thần tôn giáo, tín ngưỡng, không mặc cảm về thân phận nhưng cũng không kiêu ngạo./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh (1972), *Thánh ngôn hiệp tuyển – Trọn bộ*, Nhà in Trung tâm Giáo hóa thiếu nhi Thủ Đức, Sài Gòn, tr. 66.
- 2 Tịch đạo là sổ ghi đạo danh của chức sắc đạo Cao Đài theo mỗi thời Giáo Tông. Trong thời Giáo Tông đầu tiên thì tịch đạo nam giới là Thanh, nữ giới là Hương. Ví dụ bà Nguyễn Thị Hiếu phẩm vị Đầu Sư thì sẽ là Đầu Sư Hương Hiếu. Hoặc nếu có trường hợp nhiều người có cùng tên thì đặt họ trước đạo danh, gọi là Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu.

- 3 Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh (1972), *Thánh ngôn hiệp tuyển – Trọn bộ*, Nhà in Trung tâm Giáo hóa thiếu nhi Thủ Đức, Sài Gòn, tr. 262.
- 4 Hoán đàn là nghi thức diễn ra trong các khóa lễ cúng đại đàn tại Tòa thánh do các chức sắc cơ quan Cửu Trùng Đài thực hiện. Chức sắc đi theo thứ tự nam bên trái và nữ bên phải, người có phẩm vị cao đi trước, phẩm vị thấp theo sau. Cả 2 phái cùng đi từ bậc số 1 đến bậc số 9 rồi nam đi qua phải và nữ đi qua trái vòng trở xuống Hiệp Thiên Đài, tức là trở xuống bậc số 1. Tại bậc số 1, chức sắc lại tiếp tục đi vòng qua, nam đi qua phải và nữ đi qua trái trở lên bậc số 9. Hoàn tất, chức sắc trở lại đứng ngay phẩm trật của mình để thực hiện các nghi thức khác.
- 5 Hương Hiếu (1995), *Đạo sử xây bàn - Quyển II*, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh, tr. 217-218.
- 6 Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh (1972), *Tân luật*, Nhà in Trung tâm Giáo hóa thiếu nhi Thủ Đức, Sài Gòn, tr. 19-20.
- 7 Nguyễn Thị Triệu Vy (2020), “Quá trình Âu hóa ở Hà Nội đầu thế kỷ XX - Nhìn từ sự biến động vị thế của người phụ nữ”, *Science & Technology Development Journal - Social Sciences & Humanities*, số 4(1), tr. 238-246.
- 8 Trần Văn Rạng (1971), *Đại đạo bí sử*, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh, tr. 83-84.
- 9 Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh (1972), *Pháp chánh truyền*, Nhà in Trung tâm Giáo hóa thiếu nhi Thủ Đức, Sài Gòn, tr. 78-79.
- 10 Nguyễn Thủy (2008), *Tam vị nữ Đầu Sư*, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh, tr. 50-51.
- 11 Theo Đạo Luật Mậu Dần được Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh ban hành ngày rằm tháng giêng năm Mậu Dần (14/02/1938) có tổng cộng 4 chương 17 điều quy định đạo Cao Đài gồm 4 cơ quan hoạt động tương ứng với 4 chương của Đạo Luật bao gồm Hành Chánh, Phủ Tế, Tòa Đạo và Phước Thiện giúp điều hành nền Đạo theo đúng pháp lý và phù hợp giai đoạn mới. Trong đó, tại điều 1 khoản 3 quy định chức sắc Hàm phong là những vị đã đủ công nghiệp nhưng trên 60 tuổi sẽ đưa vào thông quy thăng phẩm Hàm phong và phải tuân theo những điều kiện tương tự chức sắc Ân phong. Hoặc chức sắc Thiên phong đã quá 60 tuổi, sức khỏe không đảm bảo thì xin chuyển sang chức sắc Hàm phong để hồi hưu dưỡng lão.
- 12 Đức Nguyên (1971), *Danh nhân đại đạo*, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh, tr. 102.
- 13 Nguyễn Văn Hồng (2011), *Bước đầu học đạo*, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh, tr. 212.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dũ Lan Lê Anh Dũng (2018), “Tìm hiểu cơ sở pháp lý xác lập pháp nhân của đạo Cao Đài tháng 10 năm 1926”, *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1(66), tr. 86-93.
2. Dorothy Ko, & Romeyn Taylor (1995), “Teachers of the Inner Chambers: Women and Culture in Seventeenth-century China”, *History: Reviews of New Books*, Vol 24(1), pp. 41-42.
3. Đinh Văn Liên (1991), “Về sự phân bố các vùng dân cư tôn giáo ở Nam Bộ”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 259, tr.01-10.
4. Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh (1972), *Tân luật*, Nhà in Trung tâm Giáo hóa thiếu nhi Thủ Đức, Sài Gòn.
5. Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh (1972), *Thánh ngôn hiệp tuyển – Trọn bộ*, Nhà in Trung tâm Giáo hóa thiếu nhi Thủ Đức, Sài Gòn.
6. Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh (1972), *Pháp chánh truyền*, Nhà in Trung tâm Giáo hóa thiếu nhi Thủ Đức, Sài Gòn.
7. Hương Hiếu (1995), *Đạo sĩ xây bàn - Quyển II*, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
8. Huỳnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Thị Kim Phụng, Morimoto Taisei (2019), *Vận động nữ quyền Việt Nam đầu thế kỷ XX trong bối cảnh vận động nữ quyền tại Trung Quốc và Nhật Bản đương thời*, tập 2, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam học lần thứ IV với chủ đề Những vấn đề giảng dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam trong thế giới ngày nay, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Jérémy Jammes (2010), “Divination and Politics in Southern Vietnam: Roots of Caodaism”, *Social Compass*, Vol 57(3), pp. 357-371.
10. Nguyễn Thủy (2008), *Tam vị nữ Đầu Sư*, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
11. Nguyễn Thị Triệu Vy (2020), “Quá trình Âu hóa ở Hà Nội đầu thế kỷ XX - Nhìn từ sự biến động vị thế của người phụ nữ”, *Science & Technology Development Journal - Social Sciences & Humanities*, số 4(1), tr. 238-246.
12. Nguyễn Văn Hồng (2011), *Bước đầu học đạo*, Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
13. Taryn N. Tang, & Catherine S. Tang (2001), “Gender Role Internalization, Multiple Roles, and Chinese Women’s Mental Health”, *Psychology of Women Quarterly*, Vol 25(3), pp. 181-196.
14. Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020 - Tiêu ban Truyền truyền-Văn hóa (2020), *Tín ngưỡng - Tôn giáo*, Truy cập từ: <https://asean2020.vn/web/asean/tin-nguong-ton-giao>.
15. Xiaorong Li (2012), *Women’s Poetry of Late Imperial China: Transforming the Inner Chambers*, University of Washington Press, Washington.

Abstract**WOMEN'S STATUS IN THE DOCTRINE, CANON LAW OF
CAODAIISM
(Caodaist Church of Tay Ninh)****Vo Minh Hieu***Freelance Researcher*

The article indicates a system of knowledge about the position of women from the viewpoint of doctrine, canon law, and ecclesiastical organization of the Caodaist Church of Tay Ninh from the initial period to 1975 - since the organizational model of the Church changed. Caodaism's teachings consider men and women to have the same status because they all are children of God (yang) and Mother Goddess (yin). Caodaist canon law also stipulates that believers must follow the monogamous marriage regime to ensure maximum benefits for women. Besides, women are facilitated to participate in ecclesiastical organizations from the local to the central level. The content of the article contributes to supplementing references for research related to the topic of women and religion, and beliefs in Vietnam.

Keywords: Women; Caodaism; doctrine; canon law; church; position.